

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08- 9- 2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Nghi.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh ngày 10/08/1997; Nơi cư trú: Tổ dân phố số E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là số A N, phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Căn cước công dân: 066197013048; Cấp ngày 15/05/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 06/04/1992; Nơi cư trú: Xóm C, đội 7, tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là thôn S, xã C, tỉnh Ninh Bình).

Căn cước công dân: 036092007860; Cấp ngày 12/05/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Tại phiên tòa: Chị T, anh H đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 03/6/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, anh H về quê tại tỉnh Nam Định sinh sống, chị sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/01/2016, đang ở với anh H. Khi ly hôn chị đồng ý để anh H nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 23/5/2025 và 22/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống, làm ăn tại tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Năm 2019, anh vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, chị T vẫn sinh sống ở Đắk Lắk. Năm 2021 anh về quê tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là xã C, tỉnh Ninh Bình) sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/01/2016. Hiện con chung đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình tại phiên toà phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên toà của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều xin được ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T đối với anh Nguyễn Văn H. Chấp nhận giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/01/2016 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Huỳnh Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ

chung do chị T và anh H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Toà án xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị T, anh Nguyễn Văn H là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn kết hôn ngày 03 tháng 06 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị T hiện sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk, anh Hiếu sinh S tại Thôn S, xã C, tỉnh Ninh Bình. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn tình nghĩa vợ chồng do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đến nay cả hai bên đều xin được ly hôn. Vì vậy cần giải quyết cho chị T và anh H được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/01/2016, đang ở cùng anh H. Anh H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Hải Đ đang ở cùng anh H cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố, anh H hiện làm cơ khí tại địa phương có thu nhập ổn định cũng đảm bảo điều kiện về kinh tế, thời gian để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Do đó cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Hải Đ cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con do anh H tự nguyện không yêu cầu chị Huỳnh Thị T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử lý hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Giao anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 31/01/2016.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004294 ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị T, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Kiên